

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 4 - 2019
V/v: “Không công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tâm; Ông Rmah In.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19/02/2019 về việc “Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/4/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Giàng Seo P, sinh năm 1981 (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Vàng Thị S, sinh năm 1980 (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2019, bản tự khai và các biên bản hòa giải, các đương sự, trình bày:

- Ông Giàng Seo P và bà Vàng Thị S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì thiếu hiểu biết. Hai người chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm, trong cách sống không phù hợp. Mặt khác,

ông P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và có con chung với nhau nên dẫn đến việc thường xuyên cãi nhau, mỗi lần như vậy thường xảy ra bạo lực gia đình, bà S lại đánh đập ông P, từ năm 2010 ông P và bà S không còn chung sống với nhau nữa. Nay ông P xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải nên ông P yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Giàng Seo P và bà Vàng Thị S là vợ chồng. Bà Vàng Thị S cũng đồng ý với yêu cầu của ông P là đề nghị Tòa án không nhận là vợ chồng.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông P và bà S có 05 người con chung: Giàng Thị C, sinh ngày 06/02/2000; Giàng Thị D, sinh ngày 26/9/2004; Giàng Seo T, sinh ngày 05/9/2006; Giàng Thị H, sinh ngày 01/01/2008; Giàng Seo P1, sinh ngày 04/04/2010.

Cháu Giàng Thị C đã trưởng thành, có đủ sức khỏe, tự lao động được; cháu Giàng Thị H đã chết theo giấy khai tử số 34/TLKT-BS ngày 15/01/2019 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Giàng Thị D, Giàng Seo T, Giàng Seo P1, ông P và bà S thỏa thuận giao cho bà Vàng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, các cháu Giàng Thị D, Giàng Seo T, Giàng Seo P1 có ý kiến: Trường hợp cha mẹ không còn chung sống với nhau thì nguyện vọng của các cháu là mong muốn được trực tiếp ở với mẹ khi cha mẹ không còn chung sống với nhau.

- Về cấp dưỡng: ông Giàng Seo P và bà Vàng Thị S không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông Giàng Seo P và bà Vàng Thị S thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: ông P vẫn giữ nguyên yêu cầu HĐXX không công nhận ông Giàng Seo P và bà Vàng Thị S là quan hệ vợ chồng. Ông P giữ nguyên ý kiến tại phiên hòa giải là giao cả ba người con chung cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng. Về các vấn đề khác không yêu cầu giải quyết.

Bà Vàng Thị S có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông trình bày quan điểm đối với việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 16 Luật HNGĐ năm 2014. Không công nhận ông Giàng Seo P và bà Vàng Thị S là vợ chồng. Công nhận sự thỏa thuận là giao cả 03 người con chung là Giàng Thị D; Giàng Seo T và Giàng Seo P1 cho bà Giàng Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Bà Vàng Thị S không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra để giải quyết. Đối với tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Giàng Seo P yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Vàng Thị S là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Đối với bị đơn bà Vàng Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Giàng Seo P và bà Vàng Thị S chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 1998 nhưng đến nay vẫn chưa đến Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định như sau: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....*”. Cuộc sống chung của ông P và bà S không có hòa thuận nên ông P yêu cầu không công nhận ông P và bà S là vợ chồng, bà S cũng đồng ý với yêu cầu của ông P. Vì vậy, HĐXX cần tuyên bố không công nhận ông Giàng Seo P và bà Vàng Thị S là vợ chồng.

[3] Về con chung: ông Giàng Seo P và bà Vàng Thị S có 5 người con chung là: Giàng Thị C, sinh ngày 06/02/2000; Giàng Thị D, sinh ngày 26/9/2004; Giàng Seo T, sinh ngày 05/9/2006; Giàng Thị H, sinh ngày 01/01/2008; Giàng Seo P1, sinh ngày 04/04/2010.

Cháu Giàng Thị C đã trưởng thành, có đủ sức khỏe, tự lao động được; cháu Giàng Thị H đã chết theo giấy khai tử số 34/TLKT-BS ngày 15/01/2019 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Giàng Thị D, Giàng Seo T, Giàng Seo P1, ông P và bà S thỏa thuận giao cả 3 người con chung chưa đủ 18 tuổi cho bà Vàng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Tòa án cũng lấy ý kiến của cháu Giàng Thị D, Giàng Seo T, Giàng Seo P1. Cả 3 cháu đều có nguyện vọng được sống với bà S khi ông P và bà S không còn chung sống với nhau, vì từ nhỏ đến lớn các cháu đã quen sống với bà S. Xét nguyện vọng của các cháu Giàng Thị D, Giàng Seo T, Giàng Seo P1 và sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng: bà S chưa yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông Giàng Seo P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tuy nhiên, ông P là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, ông P có đơn xin miễn giảm án phí. Miễn toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm cho ông Giàng Seo P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 203; Điều 220; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Giàng Seo P. Không công nhận ông Giàng Seo P và bà Vàng Thị S là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận việc ông Giàng Seo P và bà Vàng Thị S thỏa thuận giao các con chung là Giàng Thị D, sinh ngày 26/9/2004; Giàng Seo T, sinh ngày 05/9/2006; Giàng Seo P1, sinh ngày 04/04/2010 cho bà Vàng Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu D, T và P1 đủ tròn 18 tuổi.

Ông Giàng Seo P không trực tiếp nuôi con chung vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật như: có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở thực hiện quyền này.

Để đảm bảo quyền lợi chung của con chưa đủ tuổi thành niên, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí*: Ông Giàng Seo P được miễn tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. Krông Bông;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Văn Hồi